TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 70/2019/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 18 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 128/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hào giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1937

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã B, huyện K, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: 1/ Anh Phạm H, sinh năm 1977

2/ Chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ cư trú: ấp S, xã Y, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Phạm H và chị Phạm Thị Yến N có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị T số tiền 102.710.000đ (một trăm lẻ hai triệu bảy trăm mười ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong thì chị Phạm Thị Yến N và anh Phạm H còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 2.567.750đồng, nguyên đơn và bị đơn mỗi bên nộp ½ án phí, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị T nộp 1.283.875đ (Một triệu hai trăm tám mươi ba ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng), nhưng bà T là người cao tuổi và có đơn miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà T theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Anh Phạm H và chị Phạm Thị Yến N liên đới nộp 1.283.875đ (Một triệu hai trăm tám mươi ba ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Hồ Hoàng Phong